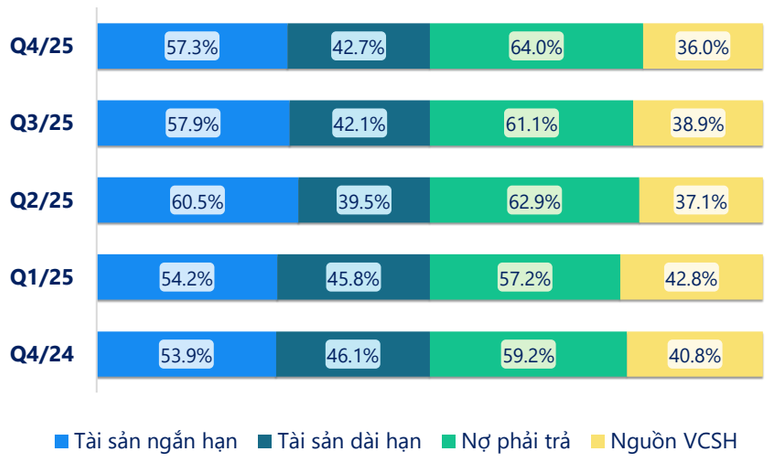
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	37,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,981
SL cổ phiếu LH	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	510,490
% sở hữu nước ngoài	11.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,780
P/E	11.6
EPS	3,241

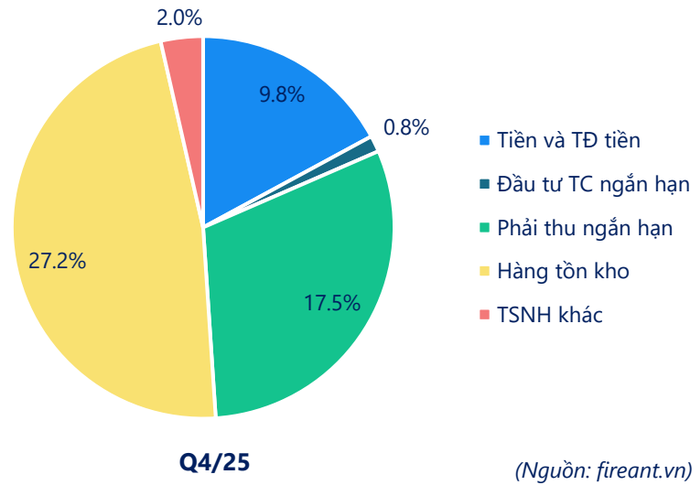
	YTD	1T	3T	6T
DPG	28.2%	-14.4%	-17.9%	-16.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



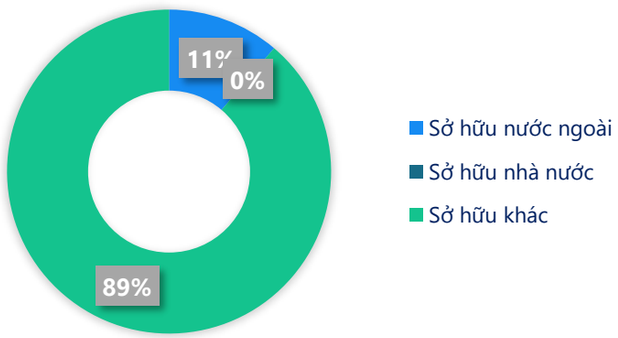
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



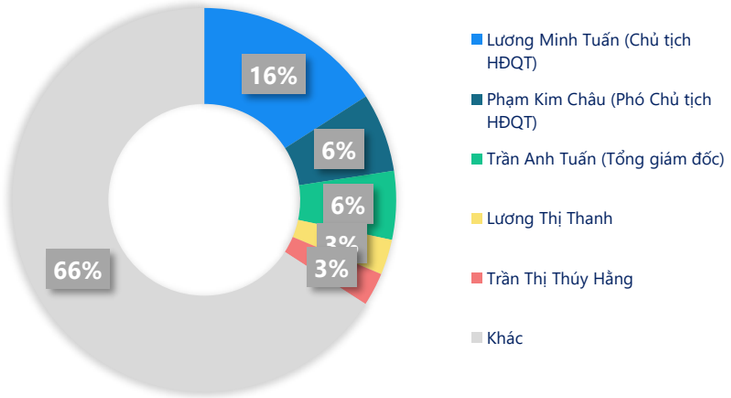
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



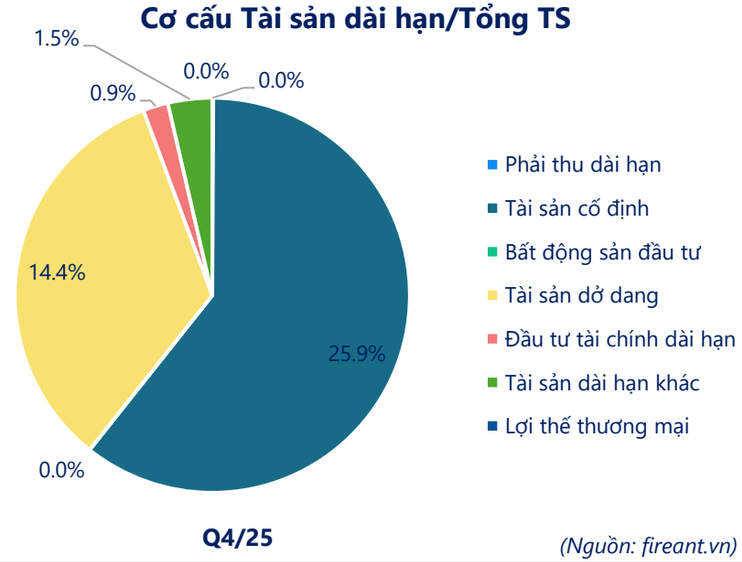
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

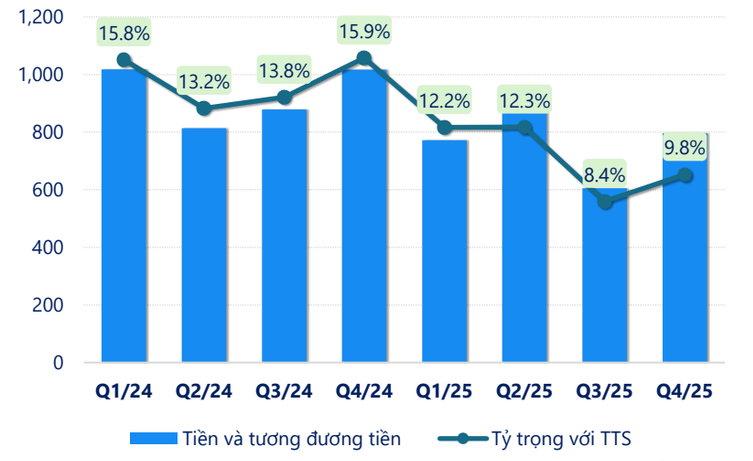


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

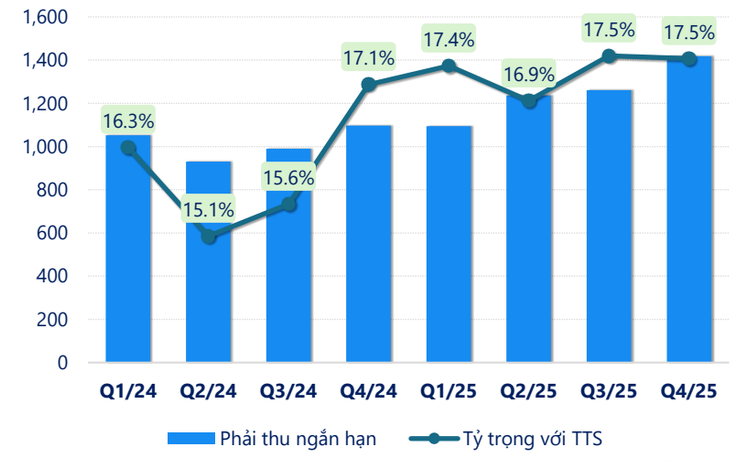
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Tiền và tương đương tiền



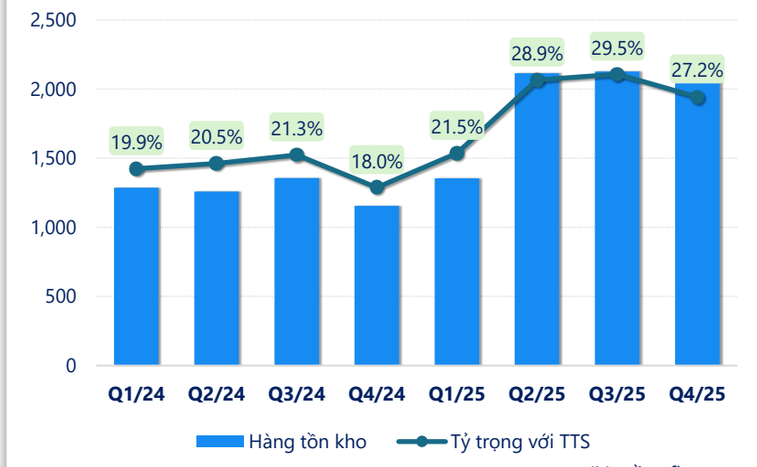
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



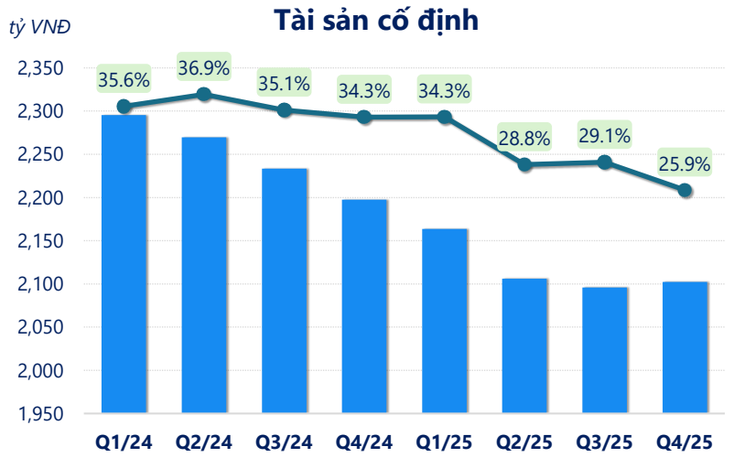
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



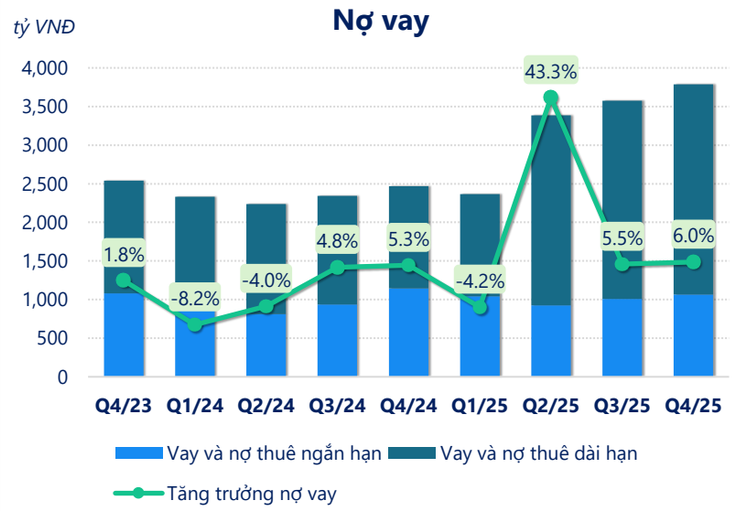
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



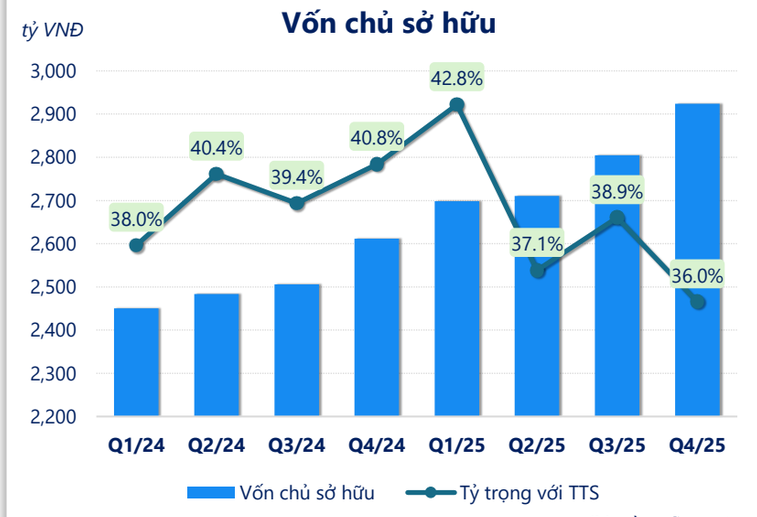
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

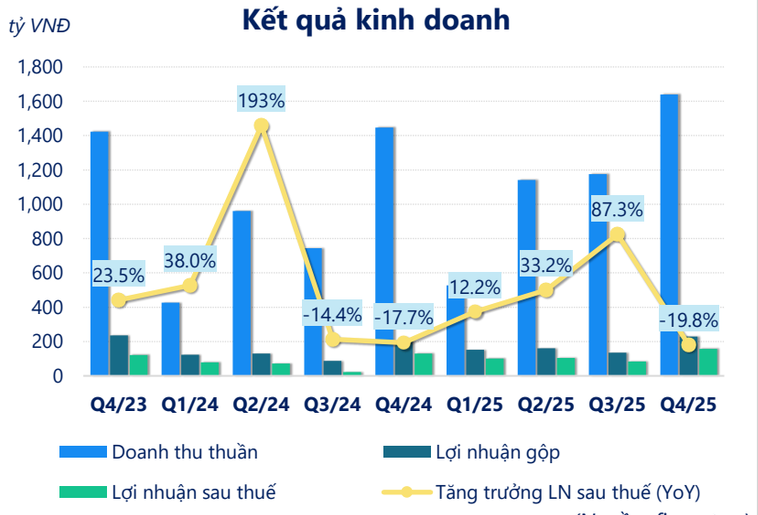


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

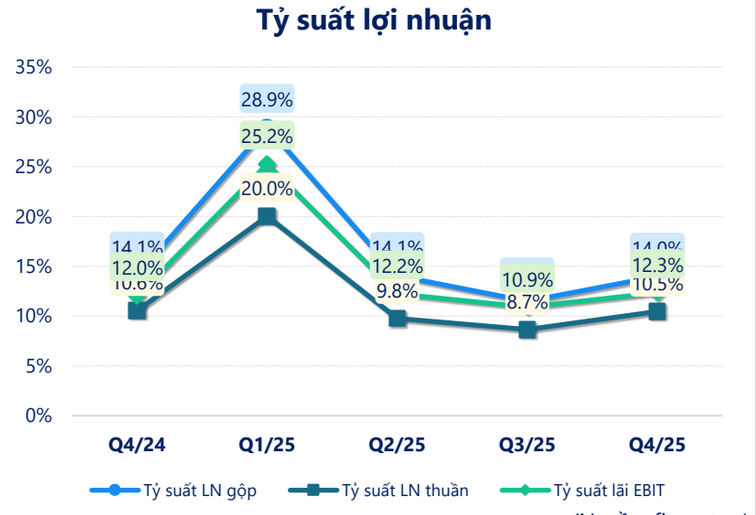
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Kết quả kinh doanh



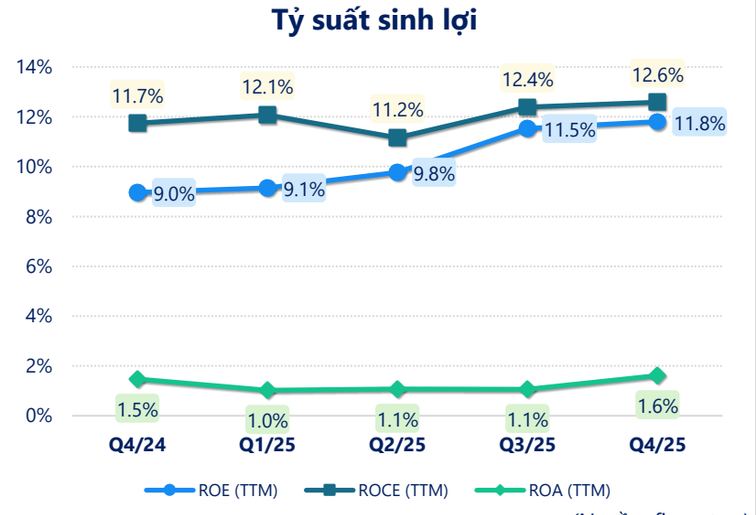
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



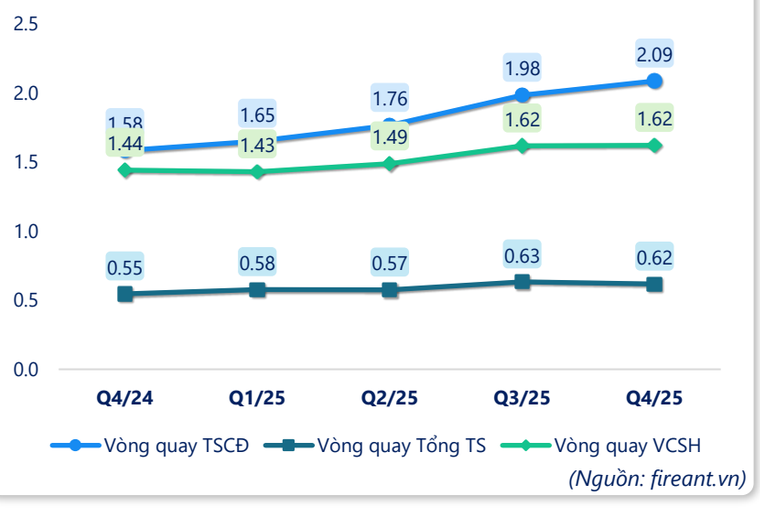
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



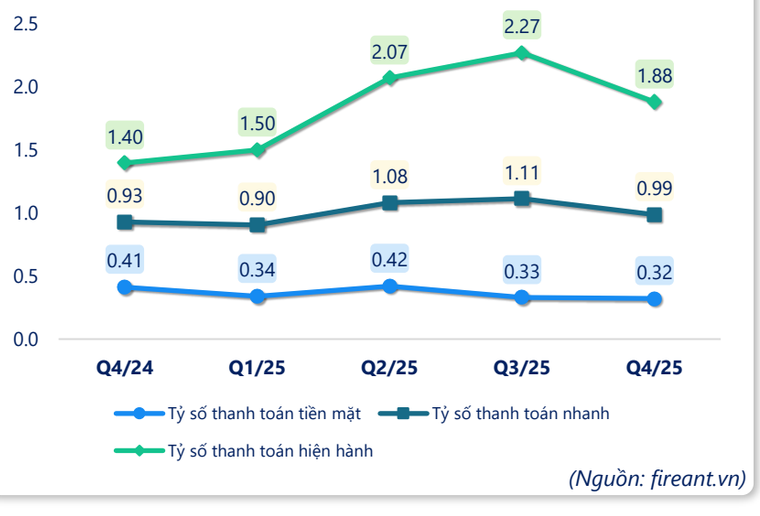
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



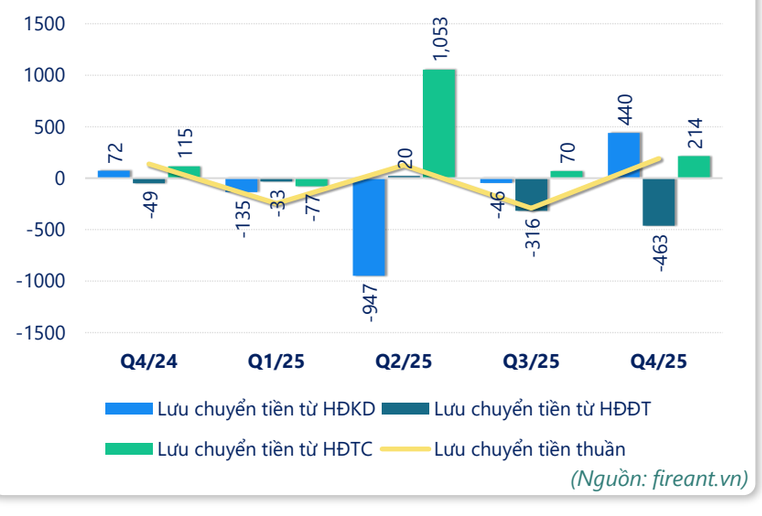
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,126**	**6,419**	**26.6%**
Tài sản ngắn hạn	4,656	3,527	32.0%
Tiền và tương đương tiền	796	1,017	-21.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.9	69.5	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	1,419	1,107	28.2%
Hàng tồn kho	2,211	1,222	80.9%
Tài sản ngắn hạn khác	166	113	47.6%
Tài sản dài hạn	**3,470**	**2,891**	**20.0%**
Phải thu dài hạn	2.86	32.0	-91.1%
Tài sản cố định	2,102	2,200	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,168	494	136%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	11.0	546%
Tài sản dài hạn khác	**126**	**155**	**-18.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,202	3,806	36.7%
Nợ ngắn hạn	**2,477**	**2,481**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,065	1,144	-6.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	514	415	23.8%
Nợ dài hạn	2,725	1,325	106%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,723	1,324	106%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,924**	**2,613**	**11.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,924**	**2,613**	**11.9%**
Vốn điều lệ	1,008	630	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,446	528	1,142	1,176	1,639
Giá vốn hàng bán	1,242	375	981	1,041	1,409
Lợi nhuận gộp	204	153	160	135	229
Doanh thu HĐTC	4.06	3.24	3.63	5.24	5.19
Chi phí TC	27.7	28.1	28.5	29.6	33.3
Chi phí lãi vay	27.4	28.0	28.4	29.5	32.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	5.56	7.60
Chi phí bán hàng	0.35	0.79	1.60	1.02	7.02
Chi phí QLDN	27.3	21.4	22.5	13.6	30.0
LN thuần từ HĐKD	153	106	111	102	172
Lợi nhuận khác	-6.00	-0.39	-0.37	-3.14	-1.60
LN trước thuế	147	105	111	98.7	170
Lợi nhuận sau thuế	130	100	104	83.3	157
LNST của CĐ cty mẹ	96.6	65.3	72.1	72.1	117

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	71.8	-135	-947	-45.7	440
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.9	-32.8	20.3	-316	-463
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	115	-77.5	1,053	70.0	214
Tiền đầu kỳ	879	1,017	771	897	605
Lưu chuyển tiền thuần	**138**	**-245**	**126**	**-292**	**191**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,017	771	897	605	796

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic